TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỦA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HS-ST
Ngày 09- 03- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tòng Thị Lan
Các Hội thẩm nhân dân: bà Vi Thu Hằng, bà Ngải Chí Phồng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thể – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2022, tại Trụ sở TAND huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 21/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HS ngày 21/02/2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST – QĐ ngày 03 tháng 03 năm 2022 đối với các bị cáo:

1.1. Họ và tên: **Hạng A T -** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1994 tại huyện C, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: thôn L1, xã T, huyện C, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hạng A Ch – SN: 1952 và bà Mùa Thị M – SN: 1953; có vợ là Sùng Thị S - SN: 1995 và 01 con sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị cơ quan nào xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử; Bắt tạm giam từ ngày 28/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt.

1.2. Họ và tên: **Mùa A M -** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1985 tại huyện C, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: thôn L2, xã T, huyện C, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mùa A Ch – SN: 1949 và bà Sùng Thị M– SN: 1962; có vợ là Sùng Thị S - SN: 1986 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị cơ quan nào xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử; Bắt tạm giam từ ngày 28/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt.

1.3. Họ và tên: **Giàng A S -** Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1995 tại huyện C, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: thôn L2, xã T, huyện C tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng A D – SN: 1975 và bà

Thào Thị M – SN: 1976; có vợ là Thào Thị D - SN: 1996 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị cơ quan nào xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử; Bắt tạm giam từ ngày 28/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:*

+ Sùng A Ph - Sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn L2, xã T, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Hạng A L - Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Ly A D - Sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn 1, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Mùa A V - Sinh năm: 1998; Nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Cứ A Kh - Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Sùng A L - Sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Nguyễn Văn S - Sinh năm: 1992; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

+ Thào A T - Sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Thôn D, xã S, huyện C, tỉnh Điện Biên.Có mặt.

+ Nguyễn Mạnh C - Sinh năm: 1977; Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên.Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người phiên dịch: ông Giàng A D – Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021, các bị cáo Hạng A T, Mùa A M, Giàng A S đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 26/7/2021, Hạng A T và Mùa A M rủ nhau đi trộm xe mô tô để bán lấy tiền tiêu. Sau khi nhất trí bị cáo M dùng xe mô tô mượn của ông Mùa A Ch là bố đẻ của bị cáo M chở T đi. Khi đi đến khu vực thuộc thôn Páo L2, xã T, Mùa A M dừng xe đợi ở trên đường, bị cáo T một mình đi xuống con đường đất cách đường nhựa khoảng 100m để tìm xe lấy trộm. Tại đây bị cáo T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu sơn xanh –xám - đen, không có biển kiểm soát của anh Sùng A Ph, lợi dụng trời tối, không có người trông coi, không thấy người qua lại bị cáo T đã dắt chiếc xe mô tô đến chỗ bị cáo M đứng đợi. Sau đó, hai bị cáo cùng nhau nổ máy xe, bị cáo T điều khiển xe mang đi bán, còn bị cáo M quay về

nhà. Bị cáo T đã bán chiếc xe trộm cắp được cho Sùng A L với giá 600.000đồng và chia cho bị cáo M 150.000đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng đầu tháng 8/2021, bị cáo M, T rủ nhau đi chơi khi đến đoạn đường thuộc thôn H, xã S, cả hai nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu HONDA CKD, màu đen, không có biển kiểm soát của anh Hạng A L, thấy không có người trông coi nên bị cáo M đã điều khiển xe mô tô mượn được của bố đi qua rồi dừng lại để bị cáo T đi bộ đến chỗ chiếc xe đang dựng và đạp nổ máy xe, bị cáo T điều khiển chiếc xe mang đi bán cho Sùng A L với giá 550.000đồng, số tiền này một mình bị cáo T sử dụng, chi tiêu cá nhân hết không chia cho M.

Lần thứ ba: tại Thôn 1, xã P, bị cáo M, T nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu FIGO, màu sơn đen, không có biển kiểm soát của Ly A D dựng cạnh đường, không có người trông coi, nên bị cáo T đi đến chỗ chiếc xe và đạp nổ máy xe rồi điều khiển xe mang đi giấu ở ngã ba đường vào thôn L1, xã T

Lần thứ tư: Bị cáo T, M, S đi đến thôn S, xã P, cả ba nhìn thấy 01 chiếc xe mô loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu sơn đen - đỏ - xám, không có biển kiểm soát của Mùa A V dựng cạnh đường, không có người trông coi, nên các bị cáo thống nhất lấy trộm chiếc xe này đem bán. Bị cáo S dùng xe mô tô mượn của ông Giàng A D là bố đẻ của bị cáo S chở bị cáo T đến chỗ chiếc xe mô tô để lấy trộm. Sau đó, bị cáo M cùng bị cáo T điều khiển chiếc xe trộm cắp được ở lần thứ ba và lần này mang đi bán. Bị cáo T mang chiếc xe trộm cắp được ở thôn S, xã P bán cho anh Nguyễn Văn S với giá 600.000đồng, chiếc xe còn lại T đem bán cho anh Nguyễn Mạnh C với giá 550.000đồng. Sau khi bán được xe, bị cáo T chia cho M 530.000đồng, khi về nhà bị cáo M đưa cho bị cáo S 100.000đồng, số tiền 620.000 đồng còn lại bị cáo T giữ.

Ngoài lần trộm cắp trên, bị cáo T còn khai nhận thực hiện một mình vụ trộm cắp khác, cụ thể: Ngày 24/8/2021 tại thôn S, xã T, thấy 01 xe mô tô loại xe Win, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, không có biển kiểm soát của Cứ A Kh dựng cạnh đường, không có người trông coi, bị cáo đã lấy trộm và mang đi bán cho Thào A T với giá 750.000đồng, số tiền này bị cáo chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ của gồm:

- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO, màu đen, không có biển soát.
- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu đen – đỏ- xám, không có biển kiểm soát.
- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu xanh – xám – đen, không có biển kiểm soát.
- 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu FIGO, màu đen, không có biển kiểm soát.
- Đối với 01 chiếc xe mô tô còn lại cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm kiếm được.

Quá trình điều tra, đã xác định được tài sản của người bị hại, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 60/KL – HĐĐGTS ngày 05/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C đã kết luận: Giá thị trường tại thời điểm tháng 8/2021: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO, màu

đen giá 4.000.000đồng; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu đen – đỏ- xám giá 2.000.000đồng; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu ESPERO DETECH, màu xanh – xám – đen giá 1.000.000đồng; 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu FIGO, màu đen giá 700.000đồng. Tổng cộng là 7.700.000đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 67/KL – HĐĐGTS ngày 20/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C đã kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HONDA CKD, màu đen giá thị trường tại thời điểm tháng 8/2021 là 500.000đồng (không thu giữ được vật chứng).

Cáo trạng số: 01/CT-VKSHTC ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa truy tố các bị cáo Hạng A T, Mùa A M, Giàng A S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hạng A T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mùa A M từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giàng A S từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Trộm cắp tài sản"; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và không đề nghị khấu trừ thu nhập đối với bị cáo S. Về trách nhiệm bồi thường dân sự ghi nhận sự tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại của các bị cáo. Về vật chứng vụ án đề nghị chấp nhận quyết định xử lý vật chứng của CQĐT về việc trả lại tài sản cho bị hại và không truy thu số tiền các bị cáo phạm tội sung ngân sách nhà nước. Về án phí miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

Bị hại: Mùa A V yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí tiềm kiếm là 1.000.000đồng, Hạng A L yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản là 500.000đồng.

Bị hại: Sùng A Ph, Ly A D, Cứ A Kh, và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thào A T, Sùng A L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Mạnh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường khoản gì.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xét thấy người vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai tại cơ quan điều tra và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa mở ngày 03/3/2022 Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 292 của BLTTHS.

[2] Xem xét về hành vi của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các biên bản ghi lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về xác nhận thời gian mất, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt, tài sản cơ quan điều tra đã thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác như: Kết quả khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh và biên bản nhận dạng, kết luận định giá tài sản. Do đó có đủ cơ sở để xác định: Thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021 các bị cáo đã lợi dụng lúc tài sản không có người trông giữ, quản lý đã lén lút lấy trộm những chiếc xe mô tô của Sùng A Ph, Hạng A L, Ly A D, Mùa A V, Cứ A Kh với mục bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá tài sản 8.200.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, VKSND huyện Tủa Chùa truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo Mùa A M, Hạng A T đều là người thực hành trực tiếp hành vi phạm tội, bị cáo Giàng A S là người giúp sức.

[3.1] Đối với bị cáo Hạng A T:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cũng là người thực hành tích cực nhất, trộm cắp 05 lần xe mô tô, hưởng lợi số tiền nhiều hơn bị cáo khác, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 8.200.000 đồng, trong đó có 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có trị giá trên 2.000.000 đồng, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, dó đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS cho bị cáo. Tuy nhiên cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nặng hơn các bị cáo khác để có mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo. Mặt khác bị cáo có sức khỏe nhưng không chăm lo lao động sản xuất nhằm tăng thu nhập cho gia đình mà thường xuyên chơi bời dẫn đến thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, do đó HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[3.2] Đối với bị cáo Mùa A M:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo cùng bị cáo Hạng A T trộm cắp 04

lần chiếc xe mô tô, tổng trị giá tài sản trộm cắp là 4.200.000 đồng, trong đó có 03 lần trị giá tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, 01 lần tài sản trộm cắp trị giá 2.000.000đồng, hưởng lợi số tiền do phạm tội mà có là 580.000đồng. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo tác động tích cực đến gia đình tự nguyện nộp 500.000đồng bồi thường thiệt hại, khắc phục phục hậu quả tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa, dó đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 của BLHS cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 của Bộ luật hình sự. Nhưng cần đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo có mức hình phạt tương xứng với hành vi bị cáo. Mặt khác bị cáo cũng có sức khỏe nhưng không chăm lo lao động sản xuất nhằm tăng thu nhập cho gia đình mà thường xuyên chơi bời dẫn đến thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, do đó HĐXX thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[3.3] Đối với bị cáo Giàng A S:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã 01 lần giúp sức cho bị cáo T, M trộm cắp 01 chiếc mô tô trị giá 2.000.000 đồng, và được hưởng lợi số tiền 100.000đồng từ bị cáo Mùa A M. Bị cáo đã tác động tích cực đến gia đình tự nguyện nộp bồi thường khắc phục hậu quả 500.000đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, dó đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 của BLHS cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo Điều 52 của Bộ luật hình sự. HĐXX thấy bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, nên HĐXX thấy việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam là không cần thiết, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục bị cáo cũng đủ để bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Xét về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Xét thấy các bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, sống phụ thuộc gia đình, tài sản riêng không có, nên không áp hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của BLHS đối với các bị cáo là phù hợp. Đồng thời miễn khấu trừ một phần thu nhập theo khoản 3 Điều 36 của BLHS đối với bị cáo Giàng A S.

[5] Về tịch thu tài sản: Xét hoàn cảnh gia đình của các bị cáo thấy các bị cáo đều làm nông nghiệp, không có thu nhập thường xuyên, gia đình đều thuộc hộ nghèo. Số tiền bán xe các bị cáo đã chi tiêu hết, Bị hại đã nhận được tài sản, người có quyề lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo hoàn trả số tiền mua xe, nên Hội đồng xét xử không truy thu sung ngân sách nhà nước đối với các bị cáo.

[6] Bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Mùa A M, Giàng A S tự nguyện nộp bồi thường chi phí đi lại cho Mùa A V tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, mỗi bị cáo 500.000đồng. Tại phiên tòa các bị cáo tự

nguyện bồi thường thay bị cáo Hạng A T và không yêu cầu bị cáo T hoàn trả số tiền này; Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Hạng A T bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Hạng A L số tiền 500.000đồng, bị cáo tự nguyện bồi thường thay bị cáo M và không yêu cầu bị cáo M hoàn trả số tiền này.

Đối với Bị hại: Sùng A Ph, Ly A D, Cứ A Kh; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Thào A T, Sùng A L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Mạnh C không yêu cầu các bị cáo bồi thường, hoàn trả tiền, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thào A T, Sùng A L, Nguyễn Văn S, Nguyễn Mạnh C là những người đã xe mô tô của bị cáo Hạng A T, nhưng không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có; ông Giàng A D, ông Mùa A Ch là người cho bị cáo M, bị cáo S mượn xe mô tô, nhưng không biết việc bị cáo M, S dùng làm phương tiện phạm tội, nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là phù hợp.

[**8]** Về vật chứng vụ án:

Đối với 04 chiếc xe mô tô quá trình điều tra đã làm rõ là tài sản hợp pháp của Sùng A Ph, Ly A D, Cứ A Kh, Mùa A V. Nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của BLTTHS, nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí: Các Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo nên cần miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các Bị cáo Hạng A T, Mùa A M, Giàng A S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Hạng A T 10 (*mười*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/10/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Mùa A M 06 (*sáu)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/10/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử phạt: Bị cáo

Giàng A S 24 *(hai mươi bốn)* tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 133 *(một trăm ba mươi ba)* ngày tạm giam quy đổi bằng 399 *(ba trăm chín mươi chín*) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ bị cáo còn phải chấp hành là 10(*mười*) tháng 21(*hai mươi mốt*) ngày.

- Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã T, huyện C, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao cho UBND xã T và gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

3. Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Áp dụng Điều 48 của BLHS; các Điều 584, Điều 585, 587, 589 của BLDS; Điều 30 của BLTTHS.

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo Mùa A M, Giàng A S số tiền 1.000.000đồng *(một triệu đồng)* đối với bị hại Mùa A V, mỗi bị cáo 500.000đồng. Số tiền của bị cáo Mùa A M, Giàng A S bồi thường được trừ trong số tiền gia đình các bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu tiền ngày 04/3/2022 và ngày 09/3/2022. Bị cáo Mùa A M, Giàng A S đã bồi thường xong.

- Buộc bị cáo Hạng A T bồi thường thiệt hại số tiền 500.000đồng *(năm trăm nghìn đồng)* cho bị hại Hạng A L.

Kể từ ngày có quyết định thi hành án nếu người có nghĩa vụ không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho các bị cáo.

5. Kháng cáo:

Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo bản án; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo đối với người có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Tủa Chùa;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện Tủa Chùa;
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện Tủa Chùa;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tòng Thị Lan